

ĐT: 0237.3847.800 Fax:0237.3847.081

建議報價單第 1 次

Địa chỉ :.....

Điện thoại : : Fax:.....

感謝貴公司在過去時間之合作，經過審查認為貴公司是一個有生產能力及達成本公司品質要求的單位，今年本公司繼續請貴公司參加投標供應 2025/2026 開工期用的 3 種糖袋數量及規格如下：

1/Vỏ bao đường vàng 黄糖袋:427,500 (±10%)bộ 套

預定先交貨黃糖袋總數量: 100,000 套 (2025 年 12 月 10 日前)。非經本公司同意增加交貨數量時，不得擅自增加否則以退貨處理，以便本公司控制進貨數量。當本公司因業務需求須增減額外之 10% 以內數量時，得標廠商應無條件配合，否則以沒收履約保證金處理。本公司對於增減額外之 10% 以內數量最遲於 2026/02/10 前通知貴公司正確增減之數量($\leq 427,500$ 套)，逾期則以另案處理。

2/ Vỏ bao đường trắng tinh luyện 精煉白糖袋: 129,450 (±10%) bộ 套

Dự kiến giao trước vỏ bao đường trắng tinh luyện với số lượng: 60,000 bộ (Trước ngày 10/12/2025) Khi chưa được sự đồng ý của Công ty chúng tôi về giao tăng số lượng hàng, thì không được tự ý giao tăng, nếu không thì sẽ xử lý trả lại hàng, để Công ty chúng tôi có thể khống chế tiến độ và số lượng giao hàng. Khi Công ty chúng tôi có nhu cầu tăng, giảm số lượng trong số 10%, nhà trúng thầu phải tạo điều kiện phối hợp không được có yêu cầu khác, nếu không sẽ xử lý tịch thu số tiền bảo lãnh thực hiện hợp

đồng.Số lượng tăng, giảm 10% muộn nhất vào trước 10/02/2026 sẽ thông báo cho quý Công ty số lượng chính xác($\leq 129,450$ bộ), nếu vượt quá thời gian sẽ xử lý riêng.

預定先交貨精煉白糖袋總數量: 60,000 套(2025 年 12 月 10 日前)。非經本公司同意增加交貨數量時,不得擅自增加否則以退貨處理,以便本公司控制進貨數量。當本公司因業務需求須增減額外之 10%以內數量時,得標廠商應無條件配合,否則以沒收履約保證金處理。本公司對於增減額外之 10%以內數量最遲於 2026/02/10 前通知貴公司正確增加之數量($\leq 129,450$ 套),逾期則以另案處理。

3/Vỏ bao đường trắng thượng hạng 特级白糖袋: 89,000 ($\pm 10\%$)bộ 套

Dự kiến giao trước vỏ bao đường trắng thượng hạng với số lượng: 40,000 bộ. (Trước ngày 10/12/2025) Khi chưa được sự đồng ý của Công ty chúng tôi về giao tăng, giảm số lượng hàng, thì không được tự ý giao tăng, nếu không thì sẽ xử lý trả lại hàng, để Công ty chúng tôi có thể khống chế tiến độ và số lượng giao hàng.Khi Công ty chúng tôi có nhu cầu tăng, giảm số lượng trong số 10%, nhà trúng thầu phải tạo điều kiện phối hợp không được có yêu cầu khác, nếu không sẽ xử lý tịch thu số tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng.Số lượng tăng, giảm thêm 10% muộn nhất vào trước 10/02/2026 sẽ thông báo cho quý Công ty số lượng chính xác($\leq 89,000$ bộ), nếu vượt quá thời gian sẽ xử lý riêng.

預定先交貨特級白糖袋總數量: 40,000 套(2025 年 12 月 10 日前)。非經本公司同意增加交貨數量時,不得擅自增加否則以退貨處理,以便本公司控制進貨數量。當本公司因業務需求須增減額外之 10%以內數量時,得標廠商應無條件配合,否則以沒收履約保證金處理。本公司對於增減額外之 10%以內數量最遲於 2025/02/10 前通知貴公司正確增減之數量($\leq 89,000$ 套),逾期則以另案處理。

II. Quy cách vỏ bao 糖袋規格

1. Nguyên liệu chế tạo bao PP, PE 製造 PP、PE 袋的原料

- Sử dụng hạt nhựa mới để gia công, không được sử dụng nguyên liệu tái chế.

使用新的塑子以加工,不得使用再生原料。

- Sợi nhựa mềm màu trắng bằng chất polypropylene phải qua xử lý hết độ dẫn, sau khi đưng đường bao không bị dẫn nở rộng.

糖袋以 polypropylene 聚丙烯白色軟塑膠線帶織製,經緯線應經充分之延伸處理,裝糖後袋身不易伸長擴大。

- Dệt vải bao theo kiểu phổ thông, hoa văn phẳng, túi dệt phải đều, thân túi dệt thành hình ống không hở ỏn định.

糖袋布編織為普通平紋,織袋之強度要均勻,袋身織成無縫之長筒圓體,穩定。

- Khi cắt thành hình bao dùng phương pháp cắt nhiệt, không để xơ mép, tuột sợi. Sợi PP phải đều nhau, bề ngoài bằng phẳng, không bị dệt lỗi. Đáy bao dán đè về phía bên ngoài, không được lật mép, khâu bằng phương pháp dây đôi một đường trắng một đường xanh.. Đường xanh may ở dưới đường trắng may ở trên .Đường may không để tuột chỉ

袋身切斷以熱切法使切口膠合不散離脫線。PP 線要均勻,外邊平,不被縫製錯。袋底復貼於外邊,不得翻邊,以雙線一條藍色一條白色法縫紉,縫線不能鬆脫。

- Miệng đáy bao PE (Polyethylen) lớp bên trong hàn bằng phương pháp gia nhiệt không được nhả mối hàn.

裡面 PE 袋 (Polyethylen)底口以加熱方法焊接,焊接口不能鬆開。

2. Nội dung in nhãn 標籤印刷內容

- Hai mặt bao in chữ và nhãn hiệu do Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đài Loan quy định, in chữ phải rõ nét, vị trí thẳng hàng, không được có tình trạng lệch chữ, mờ và phai màu chữ in.
糖袋兩面印刷依據越台糖業有限責任公司核定的標誌，須鮮明清晰位置正直，不得有歪斜脫色及渲染現象。

- Màu mực in trên nhãn bao bì của từng lô hàng khi giao phải đồng nhất, phân bố đồng đều.
每批貨物包裝標籤上的墨水顏色交貨時要均勻、整齊。

- Màu mực in trên nhãn bao bì theo bảng màu Pantone Quốc tế :
包裝標籤上的墨水顏色依據國際Pantone色板

- Đường vàng : Màu đỏ (Pantone 3556C Red)
黃糖: 紅色(Pantone 3556C Red)。

- Đường trắng tinh luyện : Màu xanh (Pantone 3500C Blue)
精煉白糖: 綠色(Pantone 3500C Blue)。

- Đường trắng thượng hạng : Màu Cam (Pantone 3564C Orange).
高等白糖: 橘色(Pantone 3564C Orange)。

- Mực in, phun phù hợp với yêu cầu An toàn thực phẩm, không được có kim loại nặng.
-印刷符合與食品安全要求，不准有重金屬。

3. Kích thước, trọng lượng vỏ bao PP, PE
PP, PE 袋的重量及尺寸

3.1 Kích thước vỏ bao bì PP PP 袋的尺寸:

a/ Đường vàng. 黃糖、

+ Dài : 1020mm(+10; - 5); Rộng : 575mm(+10; - 5); Rộng gấp mép : 25±5; Khoảng cách sợi may và đáy bao : 15±5;

+ 長度: 1020mm(+10; - 5); 寬 : 575mm(+10; - 5); 嘴角之寬度: 25±5 ; 縫紉及包底下的間隔: 15±5;
Độ dày mũi may (số mũi/in) : ≥ 3. 縫紉之厚度 (số mũi/in) : ≥ 3.

b/ Đường trắng tinh luyện. 精煉白糖

+ Dài : 1000mm(+10; - 5); Rộng : 575mm(+10; - 5); Rộng gấp mép : 25±5; Khoảng cách sợi may và đáy bao : 15±5;

+ 長度: 1000mm(+10; - 5); 寬 : 575mm(+10; - 5); 嘴角之寬度: 25±5 ; 縫紉及包底下的間隔: 15±5;
Độ dày mũi may (số mũi/in) : ≥ 3. 縫紉之厚度 (số mũi/in) : ≥ 3.

c/ Đường trắng thượng hạng. PP 袋的尺寸: 特級白糖

+ Dài : 1020mm(+10; - 5); Rộng : 575mm(+10; - 5); Rộng gấp mép : 25±5; Khoảng cách sợi may và đáy bao : 15±5;

長度 : 1020mm(+10; - 5); 寬度: 575mm(+10; - 5); 嘴角之寬度: 25±5; 縫紉及包底下的間隔: 15±5;

Độ dày mũi may (số mũi/in) : ≥ 3. 縫紉之厚度 (số mũi/in) : ≥ 3.

3.2 Kích thước vỏ bao PE PE 袋的尺寸:

a/ Đường vàng: 黃糖、

+ Dài : 1040mm(+10); Rộng : 595mm(+10; - 5); Dày ≥ 0,1mm

長度: 1040mm(+10);

寬度 : 595mm(+10; - 5)厚 ≥ 0,1mm

b/ Đường trắng tinh luyện: 精煉白糖

+ Dài : 1025mm(+10; - 5); Rộng : 595mm(+10; - 5); Dày $\geq 0,1$ mm

長度: 1025mm(+10; - 5);

寬度 : 595mm(+10; - 5) 厚 $\geq 0,1$ mm

c/ Đường trắng thượng hạng: 特級白糖.

+ Dài : 1045mm(+10); Rộng : 595mm(+10; - 5) ; Dày $\geq 0,1$ mm

長度: 1045mm(+10)

寬度: 595mm(+10; - 5) 厚 $\geq 0,1$ mm

3.3 Trọng lượng vỏ bao bì PP PP 袋的重量

a/ Đường vàng: 黃糖

+ Từ 120 gam trở lên 從 120 g 以上。

b/ Đường trắng tinh luyện: 精煉白糖

Từ 117 gam trở lên 從 117 g 以上。

c/ Đường trắng thượng hạng: 特級白糖.

+ Từ 120 gam trở lên- 從 120g 以上。

3.4 Trọng lượng bao PE PE 袋的重量

a/ Đường vàng: 黃糖

+ Từ 56.25 gam trở lên 從 56.25g 以上。

b/ Đường trắng tinh luyện: 精煉白糖

+ Từ 55.5 gam trở lên 從 55.5g 以上。

c/ Đường trắng thượng hạng : 特級白糖.

+ Từ 56.5 gam trở lên 從 56.5g 以上。

4. Loại sợi 纖維類型

- Bề rộng sợi : 2.4mm

纖維寬度: 2.4mm;

- Trọng lượng sợi : 1135 Denier

纖維重量 : 1135 Denier;

- Quy cách 10x10/inch

規格 10x10/inch

5. Lực kéo牽引力

- Lực kéo đứt dọc : ≥ 800 N;

縱斷牽引力 : ≥ 800 N;

- Lực kéo đứt ngang : ≥ 750 N;

橫斷牽引力 : ≥ 750 N;

- Lực kéo đáy may : ≥ 41.7 N;

縫製底牽引力 : ≥ 41.7 N;

6. Độ giãn dài伸展度

- Độ giãn dài dọc: 13%;

縱伸展度: 13%;

- Độ giãn dài ngang : 13.5%;

橫伸展度: 13.5%;

7. Hồ sơ pháp nhân của nhà cung cấp:

供應商之法人資料

- Cung cấp giấy thử nghiệm phân tích các chỉ tiêu kim loại nặng, thối nhiễm..vv.. đối với vỏ bao PP và vỏ bao PE đựng đường phù hợp với quy định an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc giấy chứng nhận ISO 22000

供應試驗，分析各指標的證明書...對於 PP 及 PE 糖袋符合與食品安全或則足夠食品安全單位的證明書，或 ISO 22000;證明書。

- Cung cấp giấy thử nghiệm phân tích của Trung tâm đo lường chất lượng 1; 2 hoặc 3 đối với các chỉ tiêu thuộc mục 5 và mục 6.

對於第 5 及 6 項之各指標要提供第 1;2 或 3 品質測量中心之分析試驗單

- Tuân thủ theo quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 12-1:2011/BYT) về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

遵守國家之技術規准規定(QCVN12-1:2011/BYT), 有關安全衛生對於直接接觸與食品糖袋、綜合塑膠之用具。

- Nhà cung cấp trúng thầu sau khi ký hợp đồng từ 7 đến 10 ngày phải cung cấp bản mẫu để công ty Việt Đài nghiệm thu đạt yêu cầu mới tiến hành sản xuất hàng loạt

得標供應商，合約簽訂之後07至10天內必須供應樣品以越台公司驗收，驗收合格後才進行大量生產。

4 Phương pháp nghiệm thu 驗收方法

- Căn cứ vào từng lô hàng sẽ rút mẫu ngẫu nhiên tiến hành kiểm tra : Số lượng; Kích thước; Trọng lượng; Nội dung ghi trên nhãn..vv..

根據每批貨物將偶然抽取樣本進行檢查: 數量、尺寸、重量、標籤上寫的內容...。

- Số bộ lấy mẫu là 5%, số bao lấy mẫu cho mỗi bộ là 5%. Nếu không đạt (vượt quá 3%) số bao nghiệm thu thì trả lô hàng về.

取樣捆數為 5%,每捆取樣之袋子數量為 5%.若不合格而超過驗收袋子數量 3%就退還本批貨。

- Mỗi lô vỏ bao giao hàng sẽ lấy ngẫu nhiên 5 bao để đóng thử và thả rơi ở độ cao 5 mét đến 6 mét. Nếu bao bị vỡ thì lô hàng đó không đạt yêu cầu phải trả hàng về.

每批交貨的袋子會偶然抽取樣本為 5 個袋子以測試及在 5m 至 6m 高度放下，如果袋子被破，則那批貨不達要求，並必須退貨。

- Màu sắc vỏ bao căn cứ vào : Bảng màu Pantone Quốc tế và vỏ bao mẫu đã được duyệt để so sánh nếu có sự khác biệt nhiều, nhìn thấy được bằng mắt thì trả hàng về.

袋子的顏色根據 (Pantone國際調色板) 及已得批准的樣本以便比較，若差別多、可見眼睛，則必須退貨。

III. Thời gian giao hàng 交貨時間:

Bên B giao hàng từng đợt theo yêu cầu của bên A.

乙方依甲方要求分成各批進行交貨。

Số lượng giao hàng Bao đường vàng BR 黃糖袋 交貨數量

Đợt 批次	Thời gian giao hàng 交貨日期	Số lượng giao hàng Bao đường vàng BR 黃糖袋 交貨數量	Số lượng lũy kế 累計數量
1	10/12/2025	100.000 bộ 套	100.000 bộ 套
2	05//01/2026	60.000 bộ 套	160.000 bộ 套

3	20/01/2026	60.000 bộ 套	220.000 bộ 套
4	05/02/2026	60.000 bộ 套	280.000 bộ 套
5	25/02/2025	60.000 bộ 套	340.000 bộ 套
6	10/03/2024	87.500 bộ và số lượng tăng,giảm thêm 10% của Công ty là (≤ 42.750 bộ) 本公司增減額外之 10% 以內數量(≤ 42.750 套)	427.500 bộ Thông báo muộn nhất vào trước ngày 10/02/2026 最遲於 2026/02/10 前通知

Số lượng giao hàng vỏ bao đường trắng tinh luyện 白糖糖袋交貨數量

Đợt 批次	Thời gian giao hàng 交貨日期	Số lượng giao hàng Bao đường trắng tinh luyện 白糖糖袋交貨數量	Số lượng lũy kế 累計數量
1	10/12/2025	60.000 bộ 套	60.000 bộ 套
2	05/01/2026	40.000 bộ 套	100.000 bộ 套
3	20/01/2026	20.000 bộ 套	120.000 bộ 套
4	10/03/2026	9.450 bộ và Số lượng tăng,giảm 10% của Công ty là (≤ 12.945 bộ) 本公司增減額外之 10% 以內數量(≤ 12.945 套)	129,450 bộ Thông báo muộn nhất vào trước ngày 26/02/2026 最遲於 2026/02/10 前通知

Số lượng giao hàng bao đường trắng thượng hạng 特級白糖袋 交貨數量

Đợt 批次	Thời gian giao hàng 交貨日期	Số lượng giao hàng Bao đường trắng tinh luyện 白糖糖袋交貨數量	Số lượng lũy kế 累計數量
1	10/12/2025	40.000 bộ 套	40.000 bộ 套
2	05/01/2026	40.000 bộ 套	80.000 bộ 套

3	10/03/2026	9.000 bộ và Số lượng tăng,giảm 10% của Công ty là (≤ 8.900 bộ) 本公司增減額外之 10% 以內數量(≤ 8.900 套)	89,000 bộ Thông báo muộn nhất vào trước ngày 26/02/2026 最遲於 2026/02/10 前通知
---	------------	---	---

- Thời gian và số lượng giao hàng cụ thể sau này sẽ có sự điều chỉnh theo thực tế sản xuất của bên A, bên A sẽ thông báo cho bên B trước 07 ngày.

-具體交貨的時間及數量以後將依據甲方實際生產而調整,甲方將在 07 天前先通知於乙方。

IV. Địa điểm giao hàng và thanh toán, bảo hành

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty TNHH đường mía Việt Nam - Đài loan.

交貨地點: 在越台糖業有限責任公司倉庫。

- Thanh toán sau khi nhận hàng theo từng đợt giao hàng nghiệm thu đạt yêu cầu hoàn thiện hồ sơ thanh toán trong vòng 15 ngày

依據每次驗收合格完成手續後 15 天內結算。

- Nhà cung cấp phải bảo hành cho mực in của vỏ bao trong vòng 1 năm. Đảm bảo mực in không phai không nhòe trong quá trình sử dụng. Số tiền bảo hành là 5% tổng giá trị hợp đồng. Trước khi trả tiền đặt cọc hợp đồng nhà cung cấp phát hành thư bảo lãnh ngân hàng giá trị 5% hợp đồng với nội dung bảo hành cho mực in vỏ bao không phai không nhòe trong quá trình sử dụng trong vòng 1 năm
供應廠商要保固糖袋印刷墨為 1 年，確保印刷墨不會掉色及使用過程中之模糊，保固金額為合同總價值為 5%。

V/ Biện pháp đấu thầu 投標辦法:

- Các đơn vị tham gia đấu thầu phải có đủ tư cách pháp nhân và có năng lực để thực hiện gói thầu.

參加投標的各單位具有法人資格及能力以便實現承包案

- Nhà thầu tham gia mở thầu phải nộp tiền bảo đảm dự thầu trị giá 200,000,000VND. Đơn vị nào trúng thầu sẽ giữ lại làm bảo lãnh hợp đồng. Trong thời gian bảo lãnh hợp đồng không được tính lãi. Số tiền bảo đảm dự thầu nộp trước 10h ngày 11 tháng 10 năm 2025 được chuyển vào tài khoản sau:

- Công ty TNHH Đường mía Việt Nam - Đài Loan, TK: 3507201000098 Ngân hàng Nông Nghiệp chi nhánh Thạch Thành Bắc Thanh Hóa.

參加投標的承包商必要繳納保證金價值 200,000,000.越盾。某單位得標，則押標金轉為履約保證金，在履約期間不得算利息，於 2025 年 10 月 11 日 10h:00 點前繳納參加投標押金轉到如下賬戶:
越台糖業有限責任公司:賬戶 3507201000098 於石城農業銀行-北清化

-Đơn vị không trúng thầu sẽ trả lại tiền dự thầu sau khi có kết quả mở thầu
未得標單位，開標結果後退還投標金

- Đề nghị Quý Công ty báo giá chi tiết Vỏ bao đóng đường bên ngoài phong thư niêm phong ghi rõ (Hồ sơ dự thầu Vỏ bao đóng đường) đóng dấu gửi đến Ban mua hàng - Công ty TNHH Đường mía Việt nam - Đài loan trước 17 giờ 00 ngày 10 tháng 10 năm 2025 (hoặc tự mang đến Công ty chúng tôi) theo địa chỉ:

- Công ty TNHH Đường mía Việt nam - Đài loan.

備註:建議貴公司報價詳細有關包裝糖袋(信封粘封外邊註明投標案件包裝糖袋名稱)，蓋章於 2025 年 10 月 10 日 17:00 前寄給越台糖業公司-採購課(或自行送到本公司)。

- Địa chỉ: Xã Vân Du, Tỉnh Thanh Hóa.

地址:清化省、雲游鎮。

Người liên hệ: Ông Trần Đức Hạnh số ĐT :0813510890

聯繫者: 陳德幸 先生 電話: 0813510890

- Thời gian phát hành hồ sơ mời thầu: Ngày 26 tháng 09 năm 2025

發行招標檔案的時間: 從 2025 年 09 月 26 日

- Thời gian đóng thầu: 17 giờ ngày 10 tháng 10 năm 2025

結束接受投標資料時間: 2025 年 10 月 10 日 17h:00

- Thời gian mở thầu 10 giờ ngày 11 tháng 10 năm 2025

開標時間: 2025 年 10 月 11 日; 10h:00

- Địa điểm mở thầu: Tại phòng mở thầu Công ty TNHH Đường mía Việt nam - Đài loan.

開標地點: 越台糖業有限責任公司開標室開標

- Lần đầu tiên không đủ 3 nhà cung cấp trở lên tham gia báo giá, thì không tiến hành mở thầu, lần thứ 2 và sau đó mở thầu thì không hạn chế số nhà thầu.

第一次不足夠 3 家廠商或以上時, 不進行開標, 第二次及以後開標則廠商家數不受限制。

VI/Giá trúng thầu và quyết định trúng thầu 決定得標價格及決定得標廠商

- Giá thấp nhất thấp hơn hoặc bằng giá sàn sẽ trình Tổng Giám Đốc duyệt làm giá trúng thầu
最低價格低於或等於底價就呈總經理批准得標價格。

- Giá thấp nhất vẫn cao hơn giá sàn thì tiến hành nghị giá 3 lần, khi nào nghị giá thấp hơn hoặc bằng giá sàn thì sẽ trình Tổng Giám Đốc duyệt làm giá trúng thầu.

最低價高於底價則進行議價 3 次, 至投標價格低於或等於底價就呈總經理批准得標價格

- Trong trường hợp nghị giá 3 lần mà giá thấp nhất vẫn cao hơn giá sàn thì không trúng thầu, Công ty sẽ chọn giá thấp nhất để nghị giá, giá thấp nhất thấp hơn hoặc bằng giá sàn, nhưng các nhà dự thầu có giá bằng nhau thì tiến hành bốc thăm để chọn nhà trúng thầu.

若經過 3 次議價後且最低價仍較底價高就不得標, 公司會選最低價格廠商以便議價, 最低價格低於或等於底價則得標; 不過各參加開標廠商有一樣價格就進行抽籤, 以便決定得標廠商。

- Nhà cung cấp không đến tham gia mở thầu, coi như bỏ đi quyền nghị giá, do nhà thứ 2 thay thế cung cấp.

廠商未能親自出席開標, 視同放棄議價權利, 由第二順位廠商取代資格

Kính mong sự hợp tác của Quý công ty.

希望得到貴公司的合作

Ngày 26 tháng 09 năm 2025

Tổng giám đốc

總經理

